

Bản án số: 15/2019/DS-ST

Ngày 14-3-2019

V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hải Dương

Bà Nguyễn Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1957; cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1953; cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (Theo Giấy ủy quyền ngày 25/02/2019 – có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Anh Lê Minh B, sinh năm 1978; cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Bích L, sinh năm 1982; cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần Thị D trình bày: Trước đây, bà có tham gia 05 chung hụi trong ba dây hụi do chị L làm chủ, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất mở ngày 30/8/2017 al, loại hụi 2.000.000 đồng, một tháng khai một lần, gồm 17 chung, bà D tham gia 01 chung và đã đóng hụi đến lần

khui thứ 11 thì chị L dừng hội không khai tiếp, số tiền hội bà D đã đóng cho chị L cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất vào ngày 30/8/2017 al bà D bỏ 500.000đ, đóng 1.500.000đ;
- Lần thứ hai vào ngày 30/9/2017 al bà D bỏ 500.000đ, đóng 1.500.000đ;
- Lần thứ ba vào ngày 30/10/2017 al bà D bỏ 500.000đ, đóng 1.500.000đ;
- Lần thứ tư vào ngày 30/11/2017 al bà D bỏ 400.000đ, đóng 1.600.000đ;
- Lần thứ năm vào ngày 30/12/2017 al bà D bỏ 500.000đ, đóng 1.500.000đ;
- Lần thứ sáu vào ngày 30/01/2018 al bà D bỏ 600.000đ, đóng 1.400.000đ;
- Lần thứ bảy vào ngày 30/02/2018 al bà D bỏ 500.000đ, đóng 1.500.000đ;
- Lần thứ tám vào ngày 30/3/2018 al bà D bỏ 700.000đ, đóng 1.300.000đ;
- Lần thứ chín vào ngày 30/4/2018 al bà D bỏ 700.000đ, đóng 1.300.000đ;
- Lần thứ mười vào ngày 30/5/2018 al bà D bỏ 750.000đ, đóng 1.250.000đ;
- Lần thứ mười một vào ngày 30/6/2017 al bà D bỏ 720.000đ, đóng 1.280.000đ.

Dây hội thứ hai mở ngày 15/01/2018 al, loại hội 3.000.000 đồng, một tháng khai một lần, gồm 22 chung, bà D tham gia 02 chung và đã đóng hội đến lần khai thứ 7 thì chị L dừng hội không khai tiếp, số tiền hội bà D đã đóng cho chị L cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất vào ngày 15/01/2018 al bà D bỏ 500.000đ, đóng 5.000.000đ/02 chung;
- Lần thứ hai vào ngày 15/02/2018 al bà D bỏ 800.000đ, đóng 4.400.000đ/02 chung;
- Lần thứ ba vào ngày 15/3/2018 al bà D bỏ 1.000.000đ, đóng 4.000.000đ/02 chung;
- Lần thứ tư vào ngày 15/4/2018 al bà D bỏ 900.000đ, đóng 4.200.000đ/02 chung;
- Lần thứ năm vào ngày 15/5/2018 al bà D bỏ 1.100.000đ, đóng 3.800.000đ/02 chung;
- Lần thứ sáu vào ngày 15/6/2018 al bà D bỏ 1.200.000đ, đóng 3.600.000đ/02 chung;
- Lần thứ bảy vào ngày 15/7/2018 al bà D bỏ 1.100.000đ, đóng 3.800.000đ/02 chung.

Dây hội thứ ba mở ngày 30/3/2018 al, loại hội 2.000.000 đồng, một tháng khai một lần, gồm 11 chung, bà D tham gia 02 chung và đã đóng hội đến lần khai thứ 4 thì chị L dừng hội không khai tiếp, số tiền hội bà D đã đóng cho chị L cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất vào ngày 30/3/2018 al bà D bỏ 500.000đ, đóng 3.000.000đ/02

chung;

Lần thứ hai vào ngày 30/4/2018 al bà D bỏ 500.000đ, đóng 3.000.000đ/02 chung;

Lần thứ ba vào ngày 30/5/2018 al bà D bỏ 500.000đ, đóng 3.000.000đ/02 chung;

Lần thứ tư vào ngày 30/6/2018 al bà D bỏ 620.000đ, đóng 2.760.000đ/02 chung.

Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Minh B và chị Nguyễn Bích L trả lại số tiền hụi là 80.000.000đ.

Tại phiên Tòa, ông Nguyễn Chí L yêu cầu chị L và anh B trả số tiền nợ hụi 65.944.000đ.

Chị Nguyễn Bích L trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của bà D về số chung hụi trong ba dây hụi bà D tham gia, về ngày, tháng, năm mở hụi, loại hụi, số chung hụi trong dây hụi, số chung hụi bà D tham gia và số tiền đóng của các dây hụi. Chị L yêu cầu được trả số tiền bà D đã góp hụi.

Chị L xác định anh B biết chị làm chủ hụi và khoản nợ bà D là nợ chung của vợ chồng. Chị L sử dụng số tiền tham gia hụi vào mục đích sinh hoạt chung trong gia đình.

Anh Lê Minh B trình bày: Anh biết chị L làm chủ hụi nhưng vài năm trở lại đây anh có khuyên chị nghĩ để đầu tư buôn bán, lo cho cha mẹ anh và thống nhất khoản nợ bà D theo ý kiến của chị L. Anh xác định không có mối quan hệ làm ăn gì với bà D và yêu cầu từ chối tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Minh B có yêu cầu từ chối tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh B là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Về số tiền góp hụi: Bà D và chị L thống nhất bà D có tham gia 05 chung hụi trong ba dây hụi do chị L làm chủ với tổng số tiền vốn 56.190.000đ Xét thấy, giao dịch hụi giữa các đương sự là thực tế có xảy ra, trên cơ sở tự nguyện, nhằm mục đích tương trợ giữa các thành viên tham gia hụi.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu chị L và anh B trả số tiền 80.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên Tòa, ông L yêu cầu chị L và anh B trả số tiền 65.944.000đ. Xét thấy, việc phía nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả số tiền nợ hui, xét thấy: Phía nguyên đơn yêu cầu chị L và anh B trả số tiền nợ hui 65.944.000đ, còn chị L yêu cầu được trả số tiền vốn góp. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 65.944.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Chị L xác định anh B biết chị làm chủ hui và chị sử dụng số tiền từ việc tham gia hui vào mục đích lo chi phí cho con ăn học, buôn bán nhỏ nên khoản nợ bà D là nợ chung của vợ chồng. Còn anh B xác định có biết chị làm chủ hui. Xét thấy, chị L xác định sử dụng số tiền hui lo chi phí cho con ăn học và buôn bán nhỏ, anh B thừa nhận có biết chị L làm chủ hui và trong thời gian chị L làm chủ hui anh chị vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định đây là khoản nợ chung của chị L và anh B.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc chị L và anh B trả cho bà D tổng số tiền 65.944.000đ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D không phải chịu. Chị L và anh B phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm do có đơn xin giảm án phí theo quy định của pháp luật là $65.944.000đ \times 2,5\% = 1.648.600đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 13, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D. Buộc chị Nguyễn Bích L và anh Lê Minh B trả cho bà D số tiền nợ hui 65.944.000đ (sáu mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị D không phải chịu. Chị Nguyễn Bích L và anh Lê Minh B phải chịu 1.648.600 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị D và chị Nguyễn Bích L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng